



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be Ward, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 27/2026

(01/07/2025 – 07/07/2026)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua chỉ số BDI tích cực tích lũy thêm 313 điểm (↑12,2%) lên 2.875 điểm. Tổng quan các chỉ số thuê tàu như sau: Capesize BCI bắt ngờ lợi ngược dòng, tăng mạnh 822 điểm (↑22,2%) lên 4.514 điểm – mức cao nhất trong vòng 2 năm 7 tháng (ghi nhận 4.592 điểm ngày 12/12/2023). Panamax BPI cũng nhích nhẹ thêm 53 điểm (↑2,4%) lên 2.230 điểm. Hai phân khúc dưới đây sau thời gian tăng mạnh nay đã ổn định dần và chững lại: Supramax BSI gần như không đổi, tăng thêm 3 điểm (↑0,1%) lên 1.676 điểm. Handysize giảm 16 điểm (↓1,69%) còn 929 điểm. Hoạt động mua bán tàu tuần qua vẫn diễn ra tương đối sôi nổi, đều đặn với các giao dịch dày đặc từ Handysize đến Panamax, nhìn chung tâm lý thị trường khoẻ mạnh và ổn định. Bắt đầu với phân khúc Supramax, tàu **Aegir Selmer** (55.874 dwt, đóng 2011 Nhật, DD/SS 9/2026, máy chính Wartsila) về tay Người mua UAE với giá khoảng 15,9 triệu đô la Mỹ. Tàu già hơn hai tuổi **Bermondi** (55.469 dwt, đóng 2009 Nhật, DD 10/2027, SS 07/2029) được bán với giá khoảng 15,3 triệu đô la Mỹ. Nhìn chung giá hai tàu **Aegir Selmer** và **Bermondi** được xem là tương đối mềm và hợp lý nhất thị trường hiện nay. Tàu tương tự **Aegir Selmer** là **Lagonda** (55.733 dwt, đóng 2011 Nhật, máy chính Wartsila) vừa qua đã đặc biệt, được bán với giá cao nhất ngưỡng 18,2 triệu đô la Mỹ. Đối với tàu Supramax đóng Trung Quốc, ghi nhận tàu **Omega S** (56.892 dwt, đóng 2011 Trung Quốc) được bán với giá rất cao 14,3 triệu đô la Mỹ dù sắp đến hạn đã DD/SS 08/2026. Sang phân khúc Handysize, chủ tàu Hàn Quốc bán tàu **Maple Maria** (37.194 dwt, đóng 2012 Hàn Quốc, DD/SS 10/2027) với giá khoảng 14,3 triệu đô la Mỹ. Mức này là hợp lý nếu so với tàu **Team View** (36.266 dwt, đóng 2011 Hàn Quốc, DD 03/2029, SS 01/2031) về tay Người mua Trung Quốc giữa tháng 6 với giá khoảng 13,7 triệu đô la Mỹ.

Ở mảng tàu dầu/hoá chất, tuần qua chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) nhích nhẹ 21 điểm (↑1,12%) lên 1.885 điểm. Chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) vẫn trên đà giảm chưa phanh lại, bốc hơi thêm 82 điểm (↓7,6%) còn 995 điểm – thấp nhất trong vòng 4 tháng trở lại đây. Giao dịch mua bán tàu tuần qua rất hạn chế, chỉ ghi nhận hai giao dịch được báo cáo, chia đều cho phân khúc VLCC và Aframax.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
AC Youth	2007	Japan	82,623	14.90	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS 01/2027
Polynesia Queen	2012	Tsuneishi Zhoushan, China	82,177	21.00	Undisclosed	DD/SS 05/2027
C. S. Olive	2009	Japan	82,175	17.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 01/2027, SS 06/2029

Scion Mathilda	2024	China	82,144	41.90	Greek, Castor Maritime	Old sale and delivered, eco M/E, DD 08/2027, SS 08/2029
Marinicki C	2005	Japan	76,629	11.80	Chinese	DD 04/2028, SS 04/2028
Livita	2017	Japan	65,532	30.50	Greek, Blue Fleet	Eco M/E, DD/SS 03/2027
Ocean Ambitious	2016	China	63,577	26.05	Undisclosed	Eco M/E, DD/SS 11/2026
Haato	2011	Japan	61,472	23.50	Undisclosed	Old sale and delivered, DD/SS freshly passed
Omega S	2011	China	56,892	14.30	Undisclosed	DD/SS due 08/2026
Aegir Selmer	2011	Japan	55,874	15.90	UAE-based, ADNOC	M/E Wartsila flex, DD/SS due 09/2026
Lagonda	2011	Japan	55,733	18.20	Undisclosed	M/E Wartsila flex, DD/SS freshly passed
Bermondi	2009	Japan	55,469	15.30	Undisclosed	DD 10/2027, SS 07/2029
Sea Abigail	2003	Japan	53,343	8.90	Undisclosed	DD/SS 03/2028
JNS Phoenix	2025	China	40,552	34.10	Undisclosed	Eco M/E, DD 08/2028, SS 08/2030, Chinese owners
African Piper	2015	Japan	34,365	20.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 07/2028, SS 08/2030
Maple Marina	2012	Korea	37,194	14.30	Greek	Incl balance of current TC until 09-12/d2026, DD/SS 10/2027
Lila Tochigi	2014	Japan	28,354	-	Undisclosed	DD 03/2027, SS 03/2029
TANKERS						
C. Innovator	2012	China	313,999	52.00	Undisclosed	Incl balance TC to Mercuria until 06-10/2027, eco M/E, scrubber fitted, DD/SS 10/2027
Jag Lokesh	2009	Korea	105,599	44.10	Undisclosed Greek	DPP trading, scrubber fitted, DD due 10/2026, SS 01/2029

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm	Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		06/2026	1M	3M	6M	12M				06/2026	1M	3M	6M	12M	
CAPESIZE							VLCC								
180k dwt	Resale	81.50	0%	1%	4%	7%	64.50	310k dwt	Resale	175.00	0%	0%	18%	21%	123.25
180k dwt	5 tuổi	71.50	1%	4%	8%	13%	50.00	310k dwt	5 tuổi	145.00	4%	4%	23%	26%	95.25
170k dwt	10 tuổi	56.00	2%	7%	11%	24%	35.50	250k dwt	10 tuổi	115.00	5%	5%	31%	35%	69.50
150k dwt	15 tuổi	36.50	0%	6%	24%	40%	22.50	250k dwt	15 tuổi	83.50	4%	4%	42%	44%	49.50
PANAMAX							SUEZMAX								
82k dwt	Resale	45.00	5%	6%	14%	18%	38.25	160k dwt	Resale	119.00	3%	10%	22%	27%	83.50
82k dwt	5 tuổi	40.00	5%	8%	21%	31%	31.75	150k dwt	5 tuổi	104.00	9%	18%	30%	35%	65.75
76k dwt	10 tuổi	30.50	7%	7%	17%	27%	23.00	150k dwt	10 tuổi	89.00	14%	25%	39%	44%	50.25
74k dwt	15 tuổi	21.50	10%	12%	26%	46%	15.25	150k dwt	15 tuổi	54.00	8%	23%	29%	32%	33.00
SUPRAMAX							AFRIMAX								
62k dwt	Resale	43.00	0%	2%	12%	13%	36.50	110k dwt	Resale	92.50	1%	6%	16%	23%	70.00
58k dwt	5 tuổi	38.00	0%	3%	19%	25%	28.50	110k dwt	5 tuổi	80.00	1%	10%	19%	28%	56.25
56k dwt	10 tuổi	28.50	0%	0%	16%	24%	20.75	105k dwt	10 tuổi	70.00	4%	17%	27%	40%	43.00
52k dwt	15 tuổi	17.50	0%	16%	17%	23%	14.00	105k dwt	15 tuổi	45.00	2%	18%	25%	32%	28.75
HANDYSIZE							MR								
37k dwt	Resale	36.00	0%	1%	9%	11%	30.50	52k dwt	Resale	61.00	0%	7%	15%	22%	47.00
37k dwt	5 tuổi	30.50	3%	9%	15%	24%	24.25	52k dwt	5 tuổi	51.00	0%	9%	19%	28%	37.75
32k dwt	10 tuổi	24.00	4%	14%	19%	33%	16.75	45k dwt	10 tuổi	41.00	0%	11%	24%	37%	28.25
28k dwt	15 tuổi	13.00	0%	4%	11%	10%	10.50	45k dwt	15 tuổi	29.00	0%	12%	38%	38%	19.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
FSRU	170,000 cbm	319.70	1	Hyundai H.I.	BW LNG and PT AKR, Indonesia	May 2029	
LNG	170,000 cbm	254.40	1	-	Tsakos Energy Navigation	Jan 2029	
Tankers	157,000 dwt	88.30	2	Paxocean's shipyard in China (as per Strategic Cooperation Agreement between Samsung and Kuok Singapore's Paxocean)	Advantage Tankers	FH 2029	
Tankers	50,000 dwt	-	2	Qidong Qianyao H.I.	YZJ Maritime	2029	
Bulkers	210,000 dwt		2	Dalian Shipbuilding Industry Corporation			Methanol and ammonia ready
Bulkers	210,000 dwt	1,270.00 en bloc	2	Beihai Shipbuilding	COSCO Shipping Development	2029-2030	Methanol and ammonia ready
Bulkers	87,000 dwt		15	COSCO Shipping HI Dalian			
Bulkers	87,000 dwt		5	Chengxi Shipyard			
Bulkers	181,000 dwt	77.00	2	Hengli	Enesel S.A.	SH 2028	Price per unit

Bulkers	64,000 dwt	35.00	2	Nantong Xiangyui Shipbuilding & Offshore Engineering	Goldenport	2029	Price per unit
Bulkers	64,000 dwt	35.00	2	Nantong Xiangyui Shipbuilding & Offshore Engineering	Akij Resource Bangladesh	2029	Price per unit
Container	1,800 teu	32.00	3	Wuhan Qingshan	Goldenport	SH 2027/2028	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	06/2026	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	75.0	0.67%	2.74%	4.90%	4.90%
Panamax (77.000 dwt)	37.5	2.74%	2.74%	2.74%	1.35%
Supramax (61.000 dwt)	34.5	2.99%	2.99%	2.99%	1.47%
Handysize (37.000 dwt)	31.0	5.08%	5.08%	5.08%	3.33%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	06/2026	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	130.0	0.00%	0.00%	1.56%	1.56%
Suezmax (170.000 dwt)	89.0	0.00%	0.00%	3.49%	3.49%
A.max (115.000 dwt)	74.0	1.35%	1.35%	1.35%	1.35%
MR (56.000 dwt)	50.5	0.99%	0.99%	-1.92%	-1.92%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Chỉ số cước trung bình phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 21.153 đô la Mỹ, tăng 38 đô la Mỹ so với mức 21.115 đô la Mỹ của tuần trước. Tại Đại Tây Dương, thị trường duy trì đà vững chắc trong suốt cả tuần, với mức cước tại Bồ Đông Nam Mỹ dẫn đầu đã tăng. Tàu **Marla Acropolis** (64.691 dwt, đóng 2025) neo tại Puerto Madryn, được WBC chốt khoảng 33.000 đô la Mỹ cộng với 55.000 đô la Mỹ tiền giao tàu (dop) cho chuyến hàng từ Recalada đi Continent. Khu vực Vịnh Mỹ, tàu **Sole** (58.635 dwt, đóng 2013) được Bunge chốt chờ hàng rời với giá khoảng 28.500 đô la Mỹ từ Brownsville, giao tại Southwest Pass và trả tàu tại Skaw-ARAG. Thị trường Thái Bình Dương vẫn chịu áp lực trong phần lớn thời gian của tuần, mặc dù Bắc Á đã cho thấy một số cải thiện vào cuối tuần. Ngược lại, Đông Nam Á vẫn yếu hơn, bị đè nặng bởi nhu cầu than Indonesia giảm và lượng tàu sẵn có ngày càng tăng, khiến giá cước tiếp tục chịu áp lực. Các hoạt động thuê định hạn vẫn tiếp diễn, mặc dù mức giá chào từ phía người thuê thấp hơn so với những tuần gần đây.

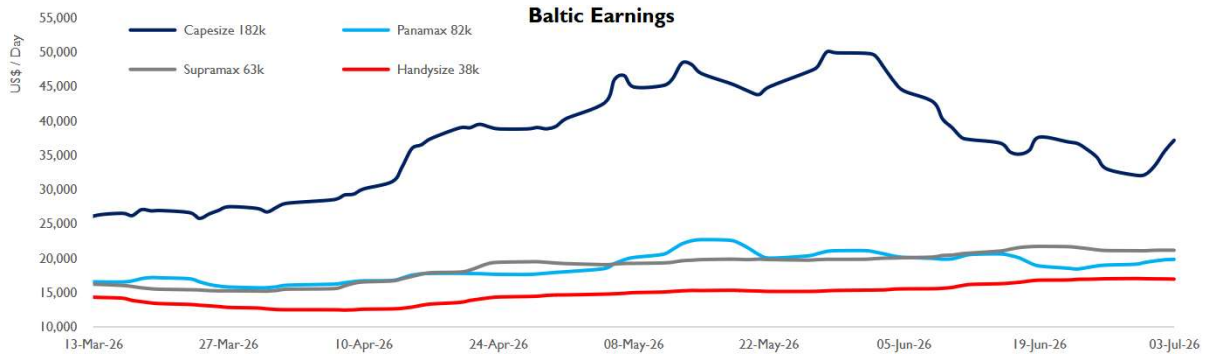
Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 16.960 đô la Mỹ, giảm 54 đô la Mỹ so với mức 16.906 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường Handysize trải qua một tuần ổn định trên diện rộng. Khu vực Continent và Địa Trung Hải nhìn chung không thay đổi, với danh sách tàu cân bằng giúp giữ giá cước ổn định, ít biến động. Vịnh châu Mỹ là điểm sáng với khối lượng yêu cầu thuê tàu khá quan trọng; tàu **Reiwa Breeze** (37.721 dwt, đóng 2016) được Clipper thuê cho chuyến đi từ Tây Nam đến Bồ Đông Mexico với giá khoảng 20.000 đô la Mỹ, trong khi các mức giá tương tự cũng được ghi nhận cho các chuyến đi xuyên Đại Tây Dương. Nam Đại Tây Dương vẫn giữ được sự vững vàng, mặc dù giá cước đã giảm nhẹ vào cuối tuần do nhu cầu suy yếu. Các chủ tàu vẫn đang tìm kiếm cơ hội kinh doanh theo hướng này, với các mức giá HS3 đạt mức trung bình 20.000 đô la Mỹ. Tại Thái Bình Dương, thị trường hạ nhiệt nhẹ do hoạt động giao dịch chậm lại. Mặc dù các lô hàng thép tại Bắc Á đã giúp duy trì giá cước, nhưng tâm lý thị trường chung dự kiến sẽ vẫn đi ngang cho đến tuần tới. Hoạt động thuê tàu theo định hạn vẫn tiếp tục diễn ra và dường như là một lựa chọn phổ biến đối với các chủ tàu đang tìm cách đảm bảo mức thuê tốt hơn đối với các tàu giao ngay.

GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 06/07/2026

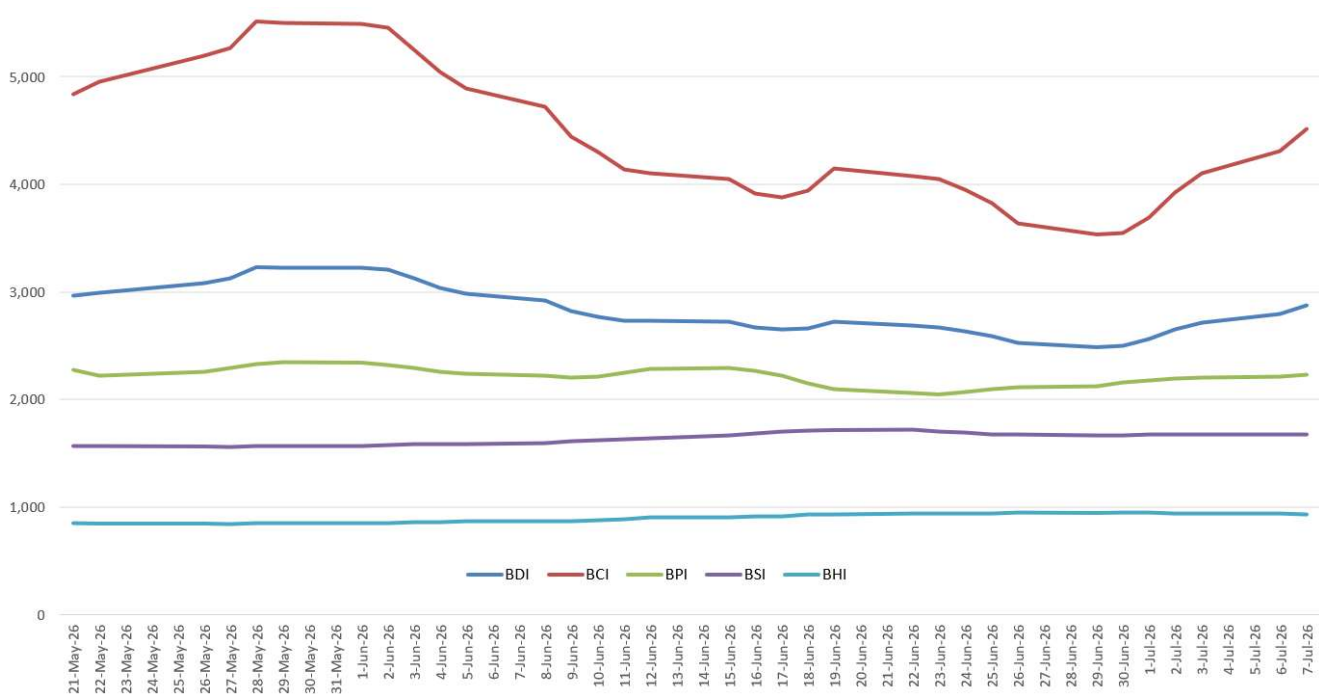
US\$/ngày ▼/▲

SUPRAMAX	19.119 ▲	38
HANDIES 38K	16.960 ▼	54

(so sánh với giá trị ngày 29/06/2026)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá xăng dầu giữ đà tăng, ghi nhận dầu WTI của Mỹ tăng tiếp 2,44% lên 72,16 đô la Mỹ/thùng, sau khi tăng gần 3% đóng phiên lúc rạng sáng; tương tự, dầu Brent đóng phiên tăng hơn 3%, hiện tại cũng giữ đà tăng hơn 2%, lên 75,92 đô la Mỹ/thùng. Như vậy, so với mức đóng cửa của phiên trước, cả hai loại dầu chuẩn này đều tăng hơn 5% so cùng thời điểm ngày trước đó. Diễn biến cho thấy, có 3 tàu chở dầu bị tấn công tại eo biển Hormuz, trong đó có một tàu chở khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) của Qatar được cho là bị máy bay không người lái của Iran tập kích; một tàu chở dầu thô treo cờ Ả Rập Xê Út cũng bị hư hại ngoài khơi

Oman. Ngay sau đó, Mỹ đã hủy giấy phép cho phép Iran bán dầu thô ra thị trường thế giới, điều này khiến giá dầu bật tăng mạnh. Các nhà phân tích cảnh báo, chỉ cần Iran một lần nữa đe dọa đóng cửa eo biển Hormuz thì giá dầu có thể tăng vọt, thị trường tiếp tục biến động mạnh trở lại. Tuy vậy, các nhà phân tích cho rằng, việc Mỹ hủy giấy phép bán dầu khó có thể ảnh hưởng lâu dài đến xuất khẩu dầu của Iran hoặc triển vọng đạt được một thỏa thuận toàn diện giữa Mỹ - Iran.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

<p>Phân khúc tàu VLCC</p>	<p>Nhìn chung, cước thuê tàu VLCC đã giảm trong tuần này. Tuy nhiên, tâm lý thị trường đã cải thiện và mặt bằng giá dường như đã chạm đáy, khi xuất hiện một loạt giao dịch nội vùng Trung Đông được ghi nhận. Kỳ vọng về nguồn cung hàng tiếp tục gia tăng tại khu vực này đang ngày càng tích cực. Đồng thời, các chủ tàu bắt đầu thể hiện sự cứng rắn hơn trong đàm phán, do họ sẵn sàng cân đối các lô hàng hiện có với những phương án khai thác thay thế khác. Trong bối cảnh số lượng tàu khả dụng đang dần được ký kết một cách âm thầm, cước thuê tàu có khả năng sẽ tăng trong tuần tới.</p> <table border="1" data-bbox="526 709 1464 972"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Đông/ Trung Quốc</td> <td>287.169</td> <td>290.853</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>USG/Trung Quốc</td> <td>155.359</td> <td>125.291</td> <td>↓</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Trung Quốc	287.169	290.853	↑	USG/Trung Quốc	155.359	125.291	↓
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước										
Trung Đông/ Trung Quốc	287.169	290.853	↑										
USG/Trung Quốc	155.359	125.291	↓										
<p>Phân khúc tàu Suezmax</p>	<p>Thị trường khởi đầu tuần với nền tảng vững chắc tại khu vực Đại Tây Dương, được hỗ trợ bởi lượng hàng mới phát sinh trên phạm vi toàn cầu cùng danh sách tàu sẵn có cho giai đoạn đầu đến giữa tháng 7 ở mức hạn chế, qua đó củng cố tâm lý tích cực của thị trường. Đối với các lô hàng giao ngay, các chủ tàu duy trì lập trường cứng rắn trong đàm phán, buộc người thuê tàu phải tìm kiếm các phương án thay thế từ những thị trường lân cận khi có thể. Kết thúc tuần, khối lượng giao dịch tồn đọng trên thị trường còn rất ít, cho thấy phần lớn nhu cầu vận chuyển đã được đáp ứng.</p> <table border="1" data-bbox="526 1325 1464 1625"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tây Phi / Cont</td> <td>112.327</td> <td>116.689</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>USG / UKC</td> <td>117.762</td> <td>119.305</td> <td>↑</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	112.327	116.689	↑	USG / UKC	117.762	119.305	↑
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước										
Tây Phi / Cont	112.327	116.689	↑										
USG / UKC	117.762	119.305	↑										

Phân khúc tàu Aframax	Hoạt động trên thị trường Aframax khu vực UKC được ghi nhận khá trầm lắng trong tuần qua, với cước trên tuyến x-UKC giảm 10 điểm so với tuần trước, xuống mức WS 135. Trong khi đó, thị trường Địa Trung Hải có tuần giao dịch tương đối sôi động hơn. Nhu cầu hỏi thuê gia tăng đáng kể vào cuối tuần, tuy nhiên các bên thuê tàu vẫn kiểm soát được đà tăng của cước, khiến thị trường chưa có biến động mạnh trong ngắn hạn. Kết thúc tuần, tâm lý thị trường trở nên tích cực và vững chắc hơn, cho thấy triển vọng cước thuê có thể tiếp tục được hỗ trợ trong thời gian tới.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	UKC / UKC	47.240	36.066	↓
	Med / Med	32.659	34.688	↓
	USG / Cont	42.716	32.178	↓
Caribs / USG	43.271	35.309	↓	

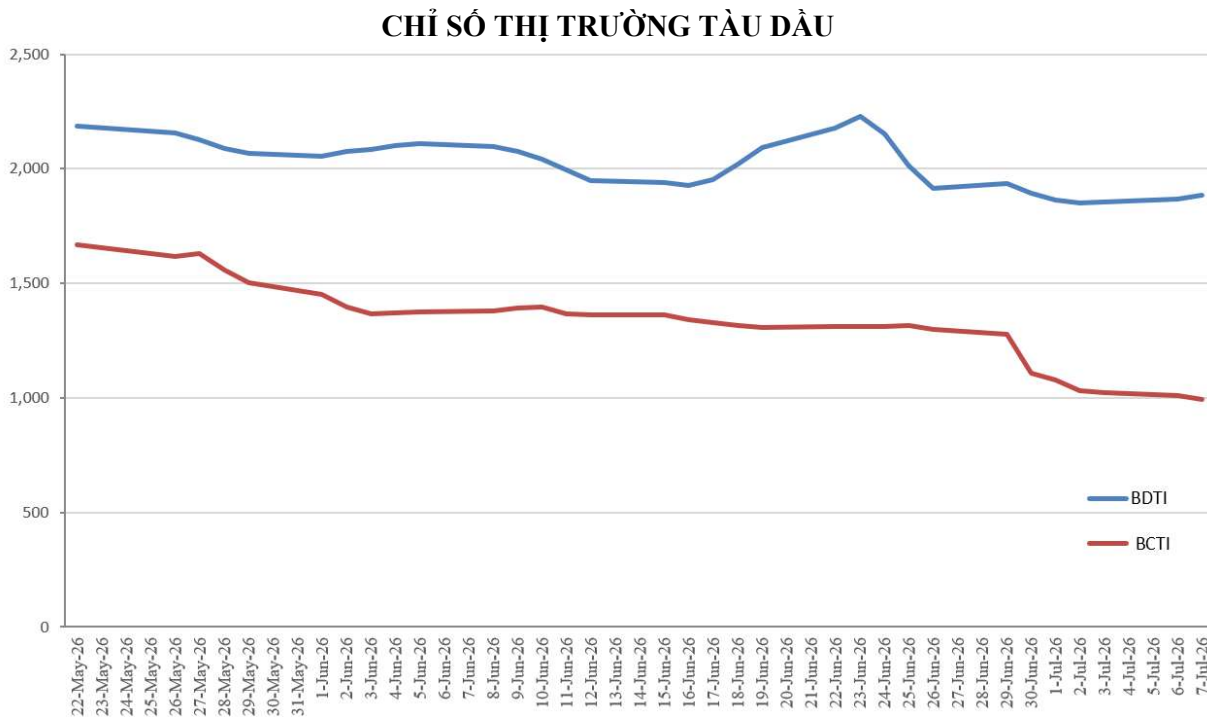
3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc tàu MR/Handy: Đây là một tuần giao dịch sôi động đối với thị trường MR tại khu vực Địa Trung Hải, với khoảng 15 giao dịch tàu xếp hàng được ghi nhận trên thị trường. Mặc dù hoạt động thuê tàu được cải thiện trong tuần, nguồn cung tàu vẫn ở mức dồi dào sau giai đoạn giao dịch trầm lắng trước đó, khiến lượng tàu dư thừa cần được thị trường ký kết. Do đó, cước thuê nhìn chung không có nhiều cơ hội tăng và phần lớn duy trì ổn định. Bước sang tuần tới, nguồn cung tàu có thể trở nên hạn chế hơn nhờ sự phục hồi mạnh của thị trường USG, vốn tiếp tục thu hút các tàu chạy rỗng đến khu vực này. Nếu khối lượng hàng hỏi thuê duy trì tương đương tuần hiện tại, các chủ tàu có thể sẽ tìm cách đẩy mạnh cước lên cao hơn. Đối với thị trường MR tại khu vực Biển Bắc, lượng tàu khả dụng tiếp tục được thị trường hấp thụ, khiến nguồn cung tàu cho các ngày xếp hàng trước ngày 8/7 hiện ở mức rất hạn chế. Chỉ số TC2 tăng nhẹ và chốt tuần ở mức WS 130. Khoảng chênh lệch cước đối với các chuyến đi Tây Phi, Brazil và tuyến x-UKC tiếp tục được nới rộng so với mức TC2. Xu hướng này được hỗ trợ bởi sự cải thiện của thị trường USG nơi tiếp tục thu hút các tàu chạy rỗng và tạo ra những cơ hội điều chuyển vị trí tàu hấp dẫn cho các chủ tàu.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Thị trường axit sulfuric tại châu Á có một tuần giao dịch khá trầm lắng khi phần lớn các nhà kinh doanh lưu huỳnh và axit sulfuric đều tham dự hội nghị IFA tại Monaco. Trong tuần chỉ ghi nhận một lô hàng khoảng 8.000 tấn từ Hàn Quốc đi Lhoksuemawe, trong khi các cuộc đàm phán cho các chuyến hàng giao xa hơn vẫn đang được tiến hành. Khu vực Bắc Á tiếp tục đối mặt với tình trạng thiếu hụt nguồn tàu ở hầu hết các phân khúc, bao gồm cả tàu MR, khiến cước cho tuyến tiêu chuẩn Hàn Quốc – Singapore tăng lên khoảng 850.000 đô la Mỹ. Một số chủ tàu vẫn giữ quan điểm rất tích cực, chào giá vượt 1 triệu đô la Mỹ lumpsum. Nhu cầu vận chuyển hàng dung môi duy trì ổn định. Tuy nhiên, tuyến Viễn Đông – Ấn Độ vẫn chịu áp lực đáng kể khi người mua nhạy cảm về giá tại Ấn Độ và Pakistan đang chờ đợi eo biển Hormuz mở cửa trở lại, kỳ vọng lượng lớn hàng giá rẻ sẽ nhanh chóng tràn vào để bổ sung tồn kho tại các bể chứa bờ. Thị trường dầu cò có phần sôi động hơn đối với các chuyến xếp hàng nửa cuối tháng 7, với một số giao dịch được chốt ở mức cước cao hơn các mức đã thực hiện trước đó. Tuy nhiên, các bên thuê tàu vẫn tỏ ra thận trọng và chưa sẵn sàng chấp nhận mức cước cao hơn, do kỳ vọng lượng tàu mở sớm hiện nay sẽ tự động chuyển thành nguồn cung cho nửa cuối tháng 7, qua đó tạo áp lực giảm lên thị trường.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 27/2026			Giá thuê tàu định hạn tuần 26/2026		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	112,000	65,000	52,000	112,000	65,500	52,500
SUEZMAX	65,500	45,000	36,000	65,500	45,500	36,500
AFRAMAX	54,500	37,500	31,500	56,500	38,000	31,500
LR-2	53,000	37,000	32,000	57,000	38,000	31,500
LR-1	36,000	27,500	22,000	36,500	28,000	22,500
MR	27,000	23,000	19,500	28,500	23,000	20,000
HANDY	24,500	20,000	18,000	26,500	20,000	18,500



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	443-448		463-468		473-478	
2	Bangladesh	458-463		478-483		488-493	
3	India	418-423		438-443		448-453	
4	Turkey	266-268		276-278		286-288	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ ĐỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 27/2026

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/t)	DWT	Comments
Pine Arrow	Bulkers	1996	12,574	India	445.00	48,041	
Fei Chi	Bulkers	2006	11,061	Bangladesh	485.00	42,054	
Hai Xi	Bulkers	1996	1,870	Bangladesh	468.00	5,769	
Yue Chi	Bulkers	2006	11,061	Bangladesh	485.00	42,054	
Frio Antarctic	Reefers	1995	5,685	India	565.00	9,357	
Avunda Reefer	Reefers	1994	4,085	Bangladesh	470.00	7,957	
FPSO Cidade De Niteroi	FPSO	1986	48,447	-	-	241,432	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên*